

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-10-2018

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Mai Thị Bỉ;

2/ Ông Trần Văn Lô;

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyện – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn L**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện H, Long An;

2. *Bị đơn:* **Ông Bùi S**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, Long An.

(Bà L có mặt, ông S vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn, bà Nguyễn L trình bày như sau:

Do quen biết và sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 2013 bà và ông Bùi S có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện H vào ngày 18/02/2013. Sau khi cưới vợ chồng xây nhà ở huyện H sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông S khó tính, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, từ nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cự cãi, cuộc sống gia đình xáo trộn. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi B, sinh ngày 16/11/2013, hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Bùi S, vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng tại phiên hòa giải ngày 04/6/2018 có trình bày: ông S thống nhất với bà L về thời gian cưới nhau, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng ly thân. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì vẫn còn thương vợ, thương con. Ông S mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về nuôi con chung: Ông cũng thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Bùi B, sinh ngày 16/11/2013 hiện đang sống với ông và bà L, nếu phải ly hôn ông đồng ý để bà L nuôi cháu B.

Về chia tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn L yêu cầu ly hôn với ông Bùi S là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Bùi S đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Sang theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn L và ông Bùi S xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Bà L yêu cầu được ly hôn với ông S vì cho rằng bà và ông S thường bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 10/2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã tiến hành các thủ tục về cấp tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên hòa giải, xét xử nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông S không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi B, sinh ngày 16/11/2013, hiện đang sống với bà L. Khi ly hôn, bà L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu B và ông S trước đây cũng có ý kiến nếu phải ly hôn thì đồng ý để cho bà L được nuôi cháu B. Bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[4.1] Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì cháu B sống với bà L. Để ổn định tình cảm và sinh hoạt cho cháu, cần duy trì việc nuôi dưỡng này. Cháu B cũng còn nhỏ nên cần có mẹ nuôi dưỡng, đồng thời ông S cũng thống nhất cho bà L được nuôi dưỡng cháu B. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B cho bà L nuôi dưỡng. Do bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Bà L và ông S đều thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà L và ông S thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn L về việc yêu cầu ly hôn với ông Bùi S. Bà Nguyễn L được ly hôn với ông Bùi S.

2/ Về con chung:

Bà Nguyễn L được tiếp tục nuôi con tên Bùi B, sinh ngày 16/11/2013. Ông Bùi S không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 06362, ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/10/2018). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND thị trấn T, huyện H4;
- Các đương sự.
- Lưu, AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Hồng